

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 31-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Tuyết Mai.
- Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

01. Trần Duy L, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2000; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Bình Định; số căn cước công dân: 052200011170; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy L1, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1978; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 25 tháng 12 năm 2024 bị Công an xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là Công an xã T, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T-Trại tạm giam số 2 thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh G từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến nay; có mặt.

02. Lưu Đức H, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2004; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Bình Định; số căn cước công dân: 052204009067; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Viết H1 (Chết) và bà Trương Thị Mỹ L2, sinh năm 1980; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T-Trại tạm giam số 2 thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh G từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến nay; có mặt.

03. Phạm Ngọc T1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1996; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Bình Định; số căn cước công dân: 052096006675; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T2 (Chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 22 tháng 8 năm 2024 bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Định nay là Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, chấp hành xong hình phạt ngày 19 tháng 01 năm 2025; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T-Trại tạm giam số 2 thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh G từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến nay; có mặt.

04. Đặng Thị Bích T3, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2000; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Bình Định; số căn cước công dân: 052300011933; nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định nay là khu phố T, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông ngoại hôn và bà Đặng Thị Ngọc L3, sinh năm 1972; chưa có chồng; có 01 người con sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 21 tháng 02 năm 2025 bị Công an xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là Công an xã T, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực T thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh B nay là Trại tạm giam Công an tỉnh G từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025 được tại ngoại; có mặt.

05. Hồ Đức T4, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2001; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Bình Định; số căn cước công dân: 052201012333; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Minh T5 (Chết) và bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1969; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T-Trại tạm giam số 2 thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh G từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Chí T7, sinh năm 1984; nơi cư trú xóm A, thôn L, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Đặng Chương Q, sinh năm 1978; vắng mặt.
2. Bà Đặng Thị Nhật L4, sinh năm 1972; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 3 năm 2025, bị cáo Trần Duy L sử dụng tài khoản Facebook tên “Trần Duy L” của bị cáo L liên lạc đến tài khoản Facebook “Trâm Em Em” của bị cáo Đặng Thị Bích T3 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì bị cáo T3 đồng ý. Sau đó, bị cáo T3 liên lạc với Mai Chí T7 hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá. Sau khi thống nhất địa điểm giao nhận ma túy và tiền, bị cáo T3 đến nhà của Mai Chí T7 tại xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định lấy ma túy; bị cáo T3 đưa 500.000 đồng cho Mai Chí T7. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T3 chia nhỏ gói ma túy đá thành 02 gói, rồi mang 01 gói ma túy đến khu vực bán nem chả chợ huyện thuộc xã P, huyện T, tỉnh Bình Định bán cho bị cáo L với số tiền 300.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 50.000 đồng, gói ma túy đá còn lại bị cáo T3 sử dụng một mình hết. Sau khi bị cáo L mua được gói ma túy đá nêu trên thì bị cáo L mang về nhà của bị cáo L tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định sử dụng một mình hết.

Đến giữa tháng 3 năm 2025, bị cáo L tiếp tục liên lạc với bị cáo T3 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì bị cáo T3 đồng ý bán nên bị cáo T3 liên lạc với Mai Chí T7 hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá. Sau khi thỏa thuận thống nhất địa điểm giao nhận ma túy và tiền, bị cáo T3 đến hẻm bên hông khách sạn L6 thuộc phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định gặp Mai Chí T7 lấy 01 gói ma túy đá, bị cáo T3 giao 500.000 đồng cho Mai Chí T7. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T3 chia nhỏ gói ma túy đá thành 02 gói rồi mang 01 gói ma túy đá đến khu vực chợ G thuộc xã P, huyện T, tỉnh Bình Định bán cho bị cáo L với số tiền 300.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 50.000 đồng, gói ma túy đá còn lại bị cáo T3 sử dụng một mình hết. Sau khi bị cáo L mua được gói ma túy đá nêu trên thì bị cáo L mang về nhà của bị cáo L sử dụng một mình hết.

Đến tối ngày 07 tháng 4 năm 2025, bị cáo Đặng Thị Bích T3 liên lạc với Mai Chí T7 hỏi mua 1.300.000 đồng ma túy đá. Sau khi thống nhất địa điểm giao nhận ma túy và tiền thì bị cáo T3 đến khu vực Ngã ba Hàm D thuộc phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định gặp Mai Chí T7 nhận gói ma túy đá; bị cáo T3 giao số tiền 1.300.000 đồng cho Mai Chí T7. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T3 cất giấu để sử dụng một mình. Sau khi sử dụng, số ma túy còn lại bị cáo T3 chia thành 02 gói nhỏ và bán lại cho bị cáo Trần Duy L, cụ thể:

Trưa ngày 08 tháng 4 năm 2025, bị cáo Trần Duy L sử dụng tài khoản Facebook tên “Trần Duy L” của bị cáo L gọi đến tài khoản Facebook tên “Trâm Em Em” của bị cáo Đặng Thị Bích T3 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì bị cáo T3 đồng ý. Sau đó, bị cáo T3 sử dụng tài khoản Zalo tên “Trâm Em E” gọi đến tài khoản Z tên “T4” của bị cáo Hồ Đức T4 nhờ bị cáo T4 giao gói ma túy đá cho bị cáo Trần Duy L thì bị cáo T4 đồng ý. Sau đó, bị cáo T3 mang theo gói ma túy đá đến gần quán C, địa chỉ thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định giao cho bị cáo T4; bị cáo T3 trả tiền công 50.000 đồng cho bị cáo T4. Bị cáo T4 mang gói ma túy đá đi giao cho bị cáo L. Sau khi mua được ma túy, bị cáo L trả 300.000 đồng cho bị cáo T3; bị cáo L mang gói ma túy về nhà sử dụng một mình hết.

Đến tối ngày 10 tháng 4 năm 2025, bị cáo Trần Duy L tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook tên “Trần Duy L” gọi đến tài khoản Facebook tên “Trâm Em E” của bị cáo Đặng Thị Bích T3 hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì bị cáo T3 đồng ý. Sau khi thông nhất địa điểm giao nhận ma túy, bị cáo L đến gần Trường Tiểu học S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định nhận ma túy. Sau đó, bị cáo L sử dụng tài khoản ví MoMo chuyển 300.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng A của bị cáo T3. Sau khi mua được gói ma túy, bị cáo L mang về nhà của bị cáo L rồi lấy một ít ma túy sử dụng một mình, số ma túy còn lại bị cáo L cất giấu tại nhà của bị cáo L.

Đến khoảng 12 giờ 20 phút ngày 11 tháng 04 năm 2025, bị cáo Lưu Đức H sử dụng tài khoản Facebook tên “Lưu Đức H” của bị cáo H nhắn tin đến tài khoản Facebook tên “Ngọc Tân” của bị cáo Phạm Ngọc T1 rủ bị cáo T1 góp tiền mua ma túy đá sử dụng nhưng bị cáo T1 không còn tiền. Lúc này, bị cáo H nói cho bị cáo T1 biết bị cáo H có 150.000 đồng để đưa cho bị cáo Tân góp mua ma túy, bị cáo T1 đồng ý nên bị cáo H đến nhà của bị cáo T1 đưa cho bị cáo T1 150.000 đồng. Sau đó, bị cáo Phạm Ngọc T1 nhắn tin đến tài khoản Facebook tên “Trần Duy L” của bị cáo Trần Duy L rủ bị cáo L sử dụng ma túy đá thì bị cáo L đồng ý; bị cáo T1 nói cho bị cáo L biết bị cáo H đưa bị cáo T1 150.000 đồng để mua ma túy và nói bị cáo L đến nhà của bị cáo T1 lấy tiền đi mua ma túy đá. Sau đó, bị cáo L đến nhà của bị cáo T1 lấy số tiền 150.000 đồng. Do số tiền 150.000 đồng của bị cáo T1 đưa không đủ để mua ma túy nên bị cáo L lấy số ma túy đá của bị cáo L sử dụng còn lại trước đó để cùng sử dụng với bị cáo T1 và bị cáo H. Để sử dụng ma túy, bị cáo L mang theo bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm chai nhựa gắn nắp đậy đục 2 lỗ, một lỗ gắn ống hút nhựa, lỗ còn lại gắn nỏ thủy tinh; quẹt gas. Sau đó, bị cáo L đến nhà của bị cáo T1 nói bị cáo T1 đến khu vực G thuộc thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định sử dụng ma túy. Lúc này, bị cáo T1 nhắn tin cho bị cáo H đến gò Đ sử dụng ma túy. Trong thời gian đợi bị cáo H đến, bị cáo L gắn bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào chai nước lọc, rồi đổ hết ma túy đá vào nỏ thủy tinh, dùng quẹt gas nấu ma túy để hút ma túy cùng với bị cáo T1. Một lúc sau, bị cáo H đến cùng sử dụng ma túy với bị cáo L và bị cáo T1.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11 tháng 4 năm 2025, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an tỉnh B cùng Công an xã P, huyện T, tỉnh Bình Định tuần tra phát hiện bắt quả tang các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 đang sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1, đồng thời tạm giữ, niêm phong các đồ vật liên quan đến việc sử dụng trái phép chất ma túy gồm 01 chai nước, kích thước (22x6)cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn, 01 lỗ tròn gắn ống hút nhựa kích thước (22x0,6)cm, 01 lỗ tròn gắn nỏ thủy tinh kích thước (22x04)cm, bên trong bầu nỏ có bám dính chất nghi là ma túy; 01 ống quẹt màu đỏ. Ngoài ra, Tổ công tác còn tạm giữ của bị cáo Phan Ngọc T8 01 điện thoại di động RedmiNote 11, có gắn sim số 0964248344, có số IMEI (Khe cắm thẻ sim 1) 860630063929064, số IMEI (Khe cắm thẻ sim 2) 860630063929072; tạm giữ của bị cáo Lưu Đức H 01

điện thoại di động Iphone 11, có gắn thẻ sim số 0869568277, có số IMEI 353905101302969; tạm giữ của bị cáo Trần Duy L 01 điện thoại di động OPPO Reno5, có gắn thẻ sim số 0325277795, có số IMEI1: 865545055089294, IMEI2: 865545055089286.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của các bị cáo Trần Duy L, Phạm Ngọc T1, Lưu Đức H đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B giám định đối với chất ma túy bám dính trên dụng cụ đã thu giữ.

Theo Kết luận giám định số 141/KL-KTHS ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chất rắn màu trắng (Ký hiệu A) bám dính bên trong bầu nỏ của 01 nỏ thủy tinh, kích thước (22x4) cm gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0033 gam là (Loại) Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Trần Duy L, Phạm Ngọc T1, Lưu Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã triệu tập bị cáo Đặng Thị Bích T3 và bị cáo Hồ Đức T4 để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Đặng Thị Bích T3, Hồ Đức T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của bị cáo Đặng Thị Bích T3 và bị cáo Hồ Đức T4 đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tạm giữ của bị cáo Đặng Thị Bích T3 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Apple, loại iphone 13 Pro Max, có số Imei: 350019045623564, Imei2: 350019045727902, có gắn thẻ sim số 0372671193 và tạm giữ của bị cáo Hồ Đức T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S plus, có màn hình hình cảm ứng bị nứt vỡ, số Imei: 353295072337610, có gắn thẻ sim số 0369685961.

Tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKS-TP ngày 26 tháng 6 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 ; truy tố bị cáo Đặng Thị Bích T3 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 ; truy tố bị cáo Hồ Đức T4 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 ; truy tố bị cáo Đặng Thị Bích T3 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Hồ Đức T4 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn L5 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lưu Đức H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; các điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đặng Thị Bích T3 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hồ Đức T4 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo Đặng Thị Bích T3 phải nộp số tiền 150.000 đồng; bị cáo Hồ Đức T4 phải nộp số tiền 50.000 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu và tiêu huỷ 01 chai nước, kích thước (22x6)cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn, 01 lỗ tròn gắn ống hút nhựa kích thước (22x0,6)cm, 01 lỗ tròn gắn nỏ thủy tinh kích thước (22x04)cm, bên trong bầu nỏ có bám dính chất nghi là ma túy; 01 ống quẹt màu đỏ. Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động RedmiNote 11, có gắn sim số 0964248344, có số IMEI (Khe cắm thẻ sim 1) 860630063929064, số IMEI (Khe cắm thẻ sim 2) 860630063929072 của bị cáo Phan Ngọc T8; 01 điện thoại di động Iphone 11, có gắn thẻ sim số 0869568277, có số IMEI 353905101302969 của bị cáo Lưu Đức H; 01 điện thoại di động OPPO Reno5, có gắn thẻ sim số 0325277795, có số IMEI1: 865545055089294, IMEI2: 865545055089286 của bị cáo Trần Duy L; 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Apple, loại iphone 13 Pro Max, có số Imei: 350019045623564, Imei2: 350019045727902, có gắn thẻ sim số 0372671193 của bị cáo Đặng Thị Bích T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S plus, có màn hình hình cảm ứng bị nứt vỡ, số Imei: 353295072337610, có gắn thẻ sim số 0369685961 của bị cáo Hồ Đức T4.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo đều không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì.

Bị cáo Trần Duy L nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lưu Đức H nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Ngọc T1 nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Thị Bích T3 nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Hồ Đức T4 nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo không dám tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1, Đặng Thị Bích T3, Hồ Đức T4 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 11 tháng 4 năm 2025, bị cáo Trần Duy L đã thực hiện hành vi cung cấp chất ma túy loại Methamphetamine và dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy để cùng với bị cáo Lưu Đức H và bị cáo Phạm Ngọc T1 sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Lưu Đức H đã thực hiện hành vi khởi xướng việc sử dụng ma túy, trực tiếp nhắn tin rủ bị cáo Phạm Ngọc T1 sử dụng ma túy và đưa cho bị cáo T1 số tiền 150.000 đồng để bị cáo T1 đưa cho bị cáo Trần Duy L đi mua ma túy về cùng sử dụng; bị cáo Phạm Ngọc T1 đã thực hiện hành vi thống nhất với bị cáo Lưu Đức H về việc sử dụng ma túy, trực tiếp nhận số tiền 150.000 đồng của bị cáo H rồi đưa số tiền trên cho bị cáo Trần Duy L để mua ma túy và rủ bị cáo Trần Duy L cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó, tại khu vực gò Đình Cũ thuộc thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nay là thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

[3] Bị cáo Đặng Thị Bích T3 đã thực hiện hành vi mua ma túy loại Methamphetamine của Mai Chí T7 để sử dụng một mình và chia nhỏ ma túy để bán lại kiếm lời. Từ tháng 3 năm 2025 đến ngày 10 tháng 4 năm 2025, bị cáo Đặng Thị Bích T3 đã bán ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Trần Duy L

04 lần tại huyện T, tỉnh Bình Định nay là tỉnh Gia Lai với số tiền 300.000 đồng/01 gói ma túy. Bị cáo Hồ Đức T4 đã thực hiện hành vi giúp bị cáo Đặng Thị Bích T3 bán ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Trần Duy L một lần vào ngày 08 tháng 4 năm 2025. Bị cáo Đặng Thị Bích T3 thu lợi bất chính số tiền 150.000 đồng; bị cáo Hồ Đức T4 thu lợi bất chính số tiền 50.000 đồng.

[4] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 đều là những người có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Tuy nhiên với ý thức xem thường pháp luật các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 đã cùng nhau tổ chức sử dụng chất ma túy loại Methamphetamine. Trong đó bị cáo Trần Duy L là người đã cung cấp ma túy loại Methamphetamine, chuẩn bị dụng cụ; bị cáo Lưu Đức H là người góp tiền để mua ma túy; bị cáo Phạm Ngọc T1 là người nhận tiền từ bị cáo Lưu Đức H để giao lại cho bị cáo Trần Duy L mua ma túy loại Methamphetamine để các bị cáo cùng nhau sử dụng. Do đó hành vi của các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết “Đối với 02 người trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Đặng Thị Bích T3, Hồ Đức T4 là người có đủ năng lực để nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về quản lý của Nhà nước về các chất ma túy nhưng vì muốn kiếm tiền để mua ma túy sử dụng mà bị cáo Đặng Thị Bích T3 đã thực hiện hành vi mua bán trái phép ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Trần Duy L 04 lần thu lợi bất chính số tiền 150.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Đặng Thị Bích T3 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Hồ Đức T4 đã thực hiện hành vi giúp bị cáo Đặng Thị Bích T3 bán ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Trần Duy L một lần vào ngày 08 tháng 4 năm 2025 để thu lợi số tiền 50.000 đồng nên hành vi của bị cáo Hồ Đức T4 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội khác.

[7] Xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo phạm tội đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Đặng Thị Bích T3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là phụ nữ có thai theo quy định tại điểm n khoản 1

Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm tội có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 25 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo là những người có nhân thân không tốt.

[8] Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo như trên lẽ ra xử phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhưng xét thấy sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo nhằm mục đích giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Hình phạt đối với các bị cáo Trần Duy L, Phạm Ngọc T1 tương đương nhau và nghiêm khắc hơn so với bị cáo Lưu Đức H.

[9] Xét về hình phạt bổ sung:

[9.1] Tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, nhưng xét thấy các bị cáo Đặng Thị Bích T3, Hồ Đức T4 không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9.2] Tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, nhưng xét thấy các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với 01 bì thư số 141/KL-KTHS, dán kín, niêm phong dấu tròn Phòng K Công an tỉnh B, có chữ ký của Ngô Thành N, Nguyễn Thị Bích H2 và Đoàn Khánh H3 (Bên trong bì thư đựng mẫu vật; 01 nỏ thủy tinh, kích thước (22x4) cm còn lại sau giám định) là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tuyên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10.2] Đối với 01 chai nước, kích thước (22x6) cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn, 01 lỗ tròn gắn ống hút nhựa, kích thước (22x0,6) cm; 01 ống quét màu đỏ hiện không có giá trị nên tuyên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10.3] Đối với 01 điện thoại di động RedmiNote 11, có gắn sim số 0964248344, có số IMEI (Khe cắm thẻ sim 1) 860630063929064, số IMEI (Khe cắm thẻ sim 2) 860630063929072, đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Ngọc T1; 01 điện thoại di động Iphone 11, có gắn thẻ sim số 0869568277, có số IMEI 353905101302969, đã qua sử dụng của bị cáo Lưu Đức H; 01 điện thoại di động OPPO Reno5, có gắn thẻ sim số 0325277795, có số IMEI1 865545055089294, IMEI2:865545055089286, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Duy L; 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Pro Max, có số IMEI1: 350019045623564, IMEI2: 350019045727902, có gắn thẻ sim số 0372671193, máy đã qua sử dụng của bị cáo Đặng Thị Bích T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S plus, có màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, số IMEI: 353295072337610, có gắn thẻ sim số 0369685961, máy đã qua sử dụng của bị cáo Hồ Đức T4 là phương tiện mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tuyên tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo Đặng Thị Bích T3 phải nộp số tiền 150.000 đồng, bị cáo Hồ Đức T4 phải nộp số tiền 50.000 đồng mà các bị cáo thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1, Đặng Thị Bích T3, Hồ Đức T4 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với Mai Chí T7 đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Đặng Thị Bích T3 04 lần, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B nay là Công an tỉnh G đã khởi tố, điều tra trong vụ án khác. Do đó, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B nay là Công an tỉnh G không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Mai Chí T7 trong vụ án này là có căn cứ, đúng quy định.

[14] Đề nghị trên của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Văn L5, Lưu Đức H.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Ngọc T1.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Thị Bích T3.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hồ Đức T4.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106; các điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1 đều phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị Bích T3, Hồ Đức T4 đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Duy L 08 (T9) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Duy L bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11 tháng 4 năm 2025).

2.2. Xử phạt bị cáo Lưu Đức H 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Lưu Đức H bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11 tháng 4 năm 2025).

2.3. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 08 (T9) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Phạm Ngọc T1 bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 11 tháng 4 năm 2025).

2.4. Xử phạt bị cáo Đặng Thị Bích T3 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Đặng Thị Bích T3 bị bắt đi chấp hành hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025.

2.5. Xử phạt bị cáo Hồ Đức T4 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Hồ Đức T4 bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 17 tháng 4 năm 2025).

3. Về vật chứng của vụ án:

3.1. Tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 (Một) bì thư số 141/KL-KTHS, dán kín, niêm phong dấu tròn Phòng K Công an tỉnh B, có chữ ký của Ngô Thành N, Nguyễn Thị Bích H2 và Đoàn Khánh H3 (Bên trong đựng vỏ bì thư đựng mẫu vật; 01 (Một) nỏ thủy tinh, kích thước (22x4)cm còn lại sau giám định); 01 (Một) chai nước, kích thước (22x6) cm, trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn, 01 lỗ tròn gắn ống hút nhựa, kích thước (22x0,6) cm; 01 (Một) ống quẹt màu đỏ.

3.2. Tuyên tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di

động RedmiNote 11, có gắn sim số 0964248344, có số IMEI (Khe cắm thẻ sim 1) 860630063929064, số IMEI (Khe cắm thẻ sim 2) 860630063929072, đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Ngọc T1; 01 (Một) điện thoại di động Iphone 11, có gắn thẻ sim số 0869568277, có số IMEI 353905101302969, đã qua sử dụng của bị cáo Lưu Đức H; 01 (Một) điện thoại di động OPPO Reno5, có gắn thẻ sim số 0325277795, có số IMEI1 865545055089294, IMEI2:865545055089286, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Duy L; 01 (Một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Pro Max, có số IMEI: 350019045623564, IMEI 2: 350019045727902, có gắn thẻ sim số 0372671193, máy đã qua sử dụng của bị cáo Đặng Thị Bích T3; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S plus, có màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, số IMEI: 353295072337610, có gắn thẻ sim số 0369685961, máy đã qua sử dụng của bị cáo Hồ Đức T4.

3.3. Hiện nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2-Gia Lai, tỉnh Gia Lai đang tạm giữ các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 7 năm 2025.

4. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Đặng Thị Bích T3 phải nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm chục nghìn đồng); bị cáo Hồ Đức T4 phải nộp số tiền 50.000 đồng (Năm chục nghìn đồng) mà các bị cáo thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Duy L, Lưu Đức H, Phạm Ngọc T1, Đặng Thị Bích T3, Hồ Đức T4 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 31 tháng 7 năm 2025). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Gia Lai;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

